

GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT VIỆT NAM CHÍNH SÁCH, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Đức Minh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt

Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam là vấn đề được Nhà nước đặc biệt quan tâm và đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Những kết quả tích cực đó là do Nhà nước đã có chủ trương, chính sách nhất quán nhằm huy động các nguồn lực của toàn xã hội cho giáo dục khuyết tật. Tuy nhiên, hiện nay, giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam vẫn chưa đạt được một số mục tiêu đã đặt ra. Nguyên nhân của những hạn chế này có nhiều. Nội dung của bài báo này tập trung vào nghiên cứu về hệ thống văn bản pháp luật có quy định liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật và thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật để tìm ra những bất cập trong định hướng, chỉ đạo thực hiện để đề xuất giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo giáo dục hòa nhập, có chất lượng, công bằng và cơ hội học tập suốt đời của trẻ khuyết tật.

Từ khóa: Luật, Trẻ khuyết tật, Giáo dục trẻ khuyết tật, Giải pháp

Abstract

Education for children with disabilities in Vietnam gets government's special concern and has achieved remarkable achievements. These positive results are due to the government's consistent guidelines and policies to mobilize the whole society's resources for education for children with disabilities. However, at present, education for children with disabilities in Vietnam has not yet achieved some goals because of many causes. This article focuses on the legal documents related to the education for children with disabilities and the reality to find inadequacies in orientation and direction to propose solutions for ensuring inclusive and equitable quality education and promote lifelong learning for children with disabilities.

Keywords: Law, Children with disabilities, Education for children with disabilities, Solution

1. Đặt vấn đề

Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam đã được Đảng và Nhà nước quan tâm trong cả quá trình phát triển giáo dục của đất nước. Điều đó được thể hiện trong các văn bản pháp luật như: Hiến pháp, các bộ luật, nghị định, quyết định, thông tư... cũng như các văn bản hướng dẫn trong kế hoạch giáo dục hàng năm của Bộ GD&ĐT, của các địa phương. Cơ sở pháp lý đã đảm bảo để giáo dục trẻ khuyết tật phát triển và trẻ khuyết tật có thể tham gia giáo dục có chất lượng như các bạn cùng tuổi không bị khuyết tật. Tuy nhiên, hiện nay, tỉ lệ trẻ khuyết tật tham gia giáo dục thấp hơn nhiều so với tỉ lệ chung, số năm đi học của trẻ khuyết tật càng ít hơn và tỉ lệ trẻ khuyết tật có thể đi học tiếp ở các trình độ sau giáo dục phổ thông lại càng hiếm. Đa số trẻ khuyết tật mới được đi học ở cấp tiểu học, một số hoàn thành phổ cập giáo dục THCS nhưng sau đó lại trở về nhà và sống phụ thuộc. Để nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ khuyết tật, giúp trẻ có thể tiếp tục học, được đào tạo nghề hướng đến sống tự lập, hòa nhập với cộng đồng thì cần phải rà soát lại hệ thống văn bản pháp quy về giáo dục trẻ khuyết tật và thực trạng thực hiện các văn bản pháp quy trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt để có được những giải pháp chính sách hữu hiệu nhằm đảm bảo cho giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam đi đúng hướng với chất lượng cao.

2. Chính sách giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam

2.1. Chủ trương về giáo dục trẻ khuyết tật

Ngày 01/11/2019, Ban bí thư TW Đảng đã ra “Chỉ thị của ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Người khuyết tật” trong đó yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ “Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và nhân dân trong thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp người khuyết tật. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật...”¹.

Nội dung các nhiệm vụ trong Chỉ thị đã cho thấy rõ Đảng và Nhà nước Việt Nam đã luôn quan tâm đến người khuyết tật nói chung và giáo dục trẻ khuyết tật nói riêng.

Chủ trương về giáo dục trẻ khuyết tật đã được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng và chính sách của Nhà nước. Các chủ trương này không tách rời mà luôn ở khuôn khổ của các chủ trương về đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục cho tất cả mọi người. Cụ thể:

¹ Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật.

Nghị quyết TW2 khóa VIII đã đề ra 6 mục tiêu cụ thể cho Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000², trong đó 2 mục tiêu có liên quan đến giáo dục cho mọi trẻ em, trong đó có trẻ khuyết tật là: 1) Phát triển bậc mầm non, đảm bảo hầu hết trẻ 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo lớn; 2) Phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước, phổ cập THCS ở những nơi có điều kiện.

Nghị quyết 29-NQ/TW, Hội nghị TW8 khóa XI về Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo có đề ra một trong những quan điểm chỉ đạo là "... Ưu tiên đầu tư phát triển Giáo dục và Đào tạo đối với ... các đối tượng chính sách" và đề ra một trong các giải pháp thực hiện là "Xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục phổ thông... Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với từng đối tượng học, chú ý đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật".

Những chủ trương này cũng đã được hiện thực hóa trong các văn bản quốc tế mà Việt Nam đã ký và các văn bản pháp quy của Việt Nam về Giáo dục trẻ khuyết tật.

2.2. Các văn bản quốc tế về giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam cam kết thực hiện

Các chủ trương về giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam trùng hợp nhiều với những xu hướng chủ yếu của giáo dục được quốc tế thực hiện. Vì vậy, Việt Nam đã tham gia một số cam kết quốc tế về giáo dục nói chung và giáo dục người khuyết tật nói riêng. Những cam kết quốc tế về giáo dục có tầm quan trọng nhất cần nhắc đến là:

1) Tuyên bố thế giới về Giáo dục cho mọi người (EFA) năm 1990 đã nêu: Mọi người - trẻ em, thanh niên và người lớn đều phải được hưởng các cơ hội giáo dục để đáp ứng các nhu cầu học tập cơ bản của họ;

2) Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (1991) về quyền được giáo dục của mọi trẻ em;

3) Tuyên bố Dakar năm 2000 về giáo dục cho mọi người với 6 mục tiêu, trong đó có Mục tiêu 2: "Đảm bảo đến năm 2015 tất cả trẻ em, nhất là trẻ em gái, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và con em dân tộc thiểu số được tiếp cận và hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc miễn phí với chất lượng tốt";

² Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII "Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000"

4) Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc, trong đó có Mục tiêu 2: “Đảm bảo rằng đến năm 2015, trẻ em ở mọi nơi, bao gồm cả các em trai và gái, đều có thể học hết bậc học tiểu học”;

5) Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền của Người khuyết tật. Điều 24 có nêu: “Quốc gia thành viên thừa nhận quyền được giáo dục của người khuyết tật... các quốc gia thành viên phải đảm bảo hệ thống giáo dục ở mọi cấp và học tập suốt đời cho người khuyết tật cùng với người không khuyết tật trên cơ sở bình đẳng về cơ hội... trẻ em khuyết tật không bị loại khỏi giáo dục tiểu học bắt buộc, hoặc giáo dục trung học, trên cơ sở sự khuyết tật,... có thể tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có chất lượng tốt và miễn phí trên cơ sở bình đẳng với những người khác trong cùng cộng đồng mà họ sinh sống;... được nhận sự trợ giúp cần thiết trong hệ thống giáo dục phổ thông để được giáo dục hiệu quả;... có thể tiếp cận giáo dục phổ thông cấp ba, dạy nghề, bổ túc và học tập suốt đời mà không có sự phân biệt nào và trên cơ sở bình đẳng”.

6) Mục tiêu phát triển bền vững 2030 (Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững), trong đó có Mục tiêu số 4 (SDG4) giáo dục vì sự phát triển bền vững đến 2030: “Đảm bảo nền giáo dục hòa nhập, có chất lượng, công bằng và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”, và mục tiêu cụ thể 4.5: “Đến năm 2030, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục, đảm bảo bình đẳng tiếp cận giáo dục cho các đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở mọi cấp học và trình độ đào tạo”.

Như vậy, Việt Nam đã cam kết với quốc tế về đảm bảo giáo dục hòa nhập, công bằng, có chất lượng và học tập suốt đời cho mọi công dân, trong đó có những nội dung bổ sung về tạo điều kiện để người khuyết tật đạt được những mục tiêu này. Việt Nam cũng đã thực hiện điều chỉnh các văn bản pháp luật của mình để phù hợp với quy định quốc tế.

2.3. Các văn bản pháp luật về giáo dục trẻ khuyết tật của Việt Nam

Quy định về giáo dục trẻ khuyết tật được thể chế hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Hiến pháp, các luật, và văn bản dưới luật (các nghị định, thông tư, quy định,... do các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp ban hành). Dưới đây là những văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực pháp lí, liên quan trực tiếp giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 có các quy định về quyền, nghĩa vụ học tập của mọi công dân, trong đó có trẻ khuyết tật. Cụ thể, Điều 37 quy định: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục” và Điều 39 quy định “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”.

Trên cơ sở của Hiến pháp, đã có các luật được ban hành về bảo đảm quyền và nghĩa vụ được tham gia giáo dục công bằng, bình đẳng, có chất lượng và cơ hội tham gia giáo dục, học tập suốt đời của mọi công dân và những hỗ trợ cần thiết để người khuyết tật nói chung, trẻ khuyết tật nói riêng có thể tham gia giáo dục. Cụ thể:

1) Luật Giáo dục 2019³. Trong đó, Điều 13 quy định: Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập; Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo môi trường giáo dục an toàn, bảo đảm giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện để người học phát huy tiềm năng, năng khiếu của mình; Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là Người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, người học thuộc hộ nghèo và cận nghèo thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập; Điều 15: “Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học, đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và khả năng của người học, tôn trọng sự đa dạng, khác biệt của người học và không phân biệt đối xử; Nhà nước có chính sách hỗ trợ thực hiện giáo dục hòa nhập cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là người khuyết tật theo quy định của Luật Người Khuyết tật và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

2) Luật về Người khuyết tật⁴. Trong đó có nêu lại một số quyền và trách nhiệm của mọi người trong giáo dục và có những quy định cụ thể về giáo dục cho người khuyết tật nói chung và trẻ khuyết tật nói riêng. Cụ thể, Điều 27 có quy định: “Nhà nước tạo điều kiện để người khuyết tật được học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng của người khuyết tật. Người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với độ tuổi quy định đối với giáo dục phổ thông;... được ưu tiên trong tuyển sinh;

³ Quốc hội, Luật số 43/2019/QH14 – Luật Giáo dục

⁴ Quốc hội, Luật số 51/2010/QH12 - Luật Người Khuyết tật.

được miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân không thể đáp ứng”; Điều 28: “Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật; Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi để người khuyết tật được học tập và phát triển theo khả năng của cá nhân; Nhà nước khuyến khích người khuyết tật tham gia học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập”. Điều 30: “Bảo đảm các điều kiện dạy và học phù hợp đối với người khuyết tật, không được từ chối tiếp nhận người khuyết tật nhập học trái với quy định của pháp luật. Thực hiện việc cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất dạy và học chưa bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật” và Điều 31: “Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập là cơ sở cung cấp nội dung chương trình, thiết bị, tài liệu dạy và học, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ giáo dục, tổ chức giáo dục phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của người khuyết tật”.

3) Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em. Điều 4 quy định: “Bảo đảm quyền bình đẳng cơ hội tham gia giáo dục tất cả trẻ em không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội”. Điều 7: “Nghiêm cấm cản trở việc học tập của trẻ em”. Đặc biệt, Điều 52 quy định: “Trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ, chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; được nhận vào các lớp học hòa nhập, lớp học dành cho trẻ em khuyết tật, tàn tật; được giúp đỡ học văn hóa, học nghề và tham gia hoạt động xã hội”.

4) Luật Phổ cập Giáo dục tiểu học. Điều 11 có quy định: “Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành... Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho... người tàn tật, khuyết tật... thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình”; và Điều 19: “Cha mẹ người đỡ đầu của học sinh có quyền yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết những vấn đề liên quan đến việc giáo dục tiểu học của con em hoặc trẻ đỡ đầu”.

Thực hiện cam kết quốc tế, và hướng dẫn thực hiện các quy định của các bộ luật, Chính phủ đã ban hành các Nghị định, Quyết định cụ thể:

1) Quyết định số 1100/QĐ/TTg, ngày 21/6/2016 về việc “Phê duyệt kế hoạch thực hiện Công ước của Liên Hiệp quốc về quyền của người khuyết tật” trong đó có nội dung

chỉ đạo thực hiện giáo dục cho người khuyết tật theo hướng: “Tổ chức thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; xây dựng chương trình, tài liệu, nghiên cứu sản xuất, cung ứng tài liệu, thiết bị, đồ dùng dạy học đặc thù cho giáo dục người khuyết tật”; “Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia giáo dục người khuyết tật và nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật”; “Tập huấn cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật về chính sách, kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng, đề phòng, giảm thiểu rủi ro thiệt hại đối với người khuyết tật” và bảo đảm để người khuyết tật tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng: “Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng”.

2) Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 (Quyết định số: 201/2001/QĐ-TTg) đưa ra mục tiêu: Tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật được học tập ở một trong các loại hình lớp hoà nhập, bán hoà nhập hoặc chuyên biệt, đạt tỷ lệ 50% vào năm 2005 và 70% vào năm 2010.

3) Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 (Quyết định số: 711/QĐ-TTg). Trong đó đưa ra mục tiêu: Đến năm 2020 có 70% trẻ em khuyết tật được đi học.

4) Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020 (Quyết định số: 1019/ QĐ –TTg). Mục tiêu được đặt ra là: Giai đoạn 2012 – 2015: 60% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục. Ít nhất 50% công trình là cơ sở giáo dục bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật; Giai đoạn 2016 – 2020: 70% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục và 100% công trình là cơ sở giáo dục bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

5) Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 (Quyết định số: 1438/QĐ-TTg) với Mục tiêu: Phấn đấu đến 2025, Trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục Trẻ em tại cộng đồng để được hòa nhập cộng đồng và có cơ hội thực hiện đầy đủ các quyền của Trẻ em khuyết tật”.

Quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, Bộ GD&ĐT cùng với Bộ Lao động, Bộ TBLĐ&XH, Bộ Tài chính đã ra Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, trong đó có Điều 2 về “Ưu tiên nhập học và tuyển sinh” quy định người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với quy định chung là 3 tuổi; được hưởng chế độ tuyển thẳng vào trung học phổ thông, được xét tuyển thẳng vào trung cấp chuyên nghiệp; nếu có khuyết tật nặng sẽ được xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng

hoặc được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng khi đăng ký xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng. Điều 3 về “Miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học” quy định khi người khuyết tật không có khả năng đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục chung thì có thể được miễn, giảm, thay thế một số nội dung môn học hoặc một số môn học, hoạt động giáo dục cho phù hợp theo Kế hoạch giáo dục cá nhân. Điều 4 về “Đánh giá kết quả giáo dục” quy định việc đánh giá kết quả giáo dục của người khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học... không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn... Điều 7 về “Chính sách về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập” có các quy định cụ thể về mức giảm, miễn và hỗ trợ kinh phí giúp người khuyết tật có thể tham gia học tập bằng các phương thức khác nhau.

Bộ GD&ĐT cùng với Bộ Nội vụ cũng đã có Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 22/6/2016, Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập. Với Thông tư này, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, các chính sách dành cho nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật đã được quy định rõ, làm cơ sở cho phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục trẻ khuyết tật.

Bộ LĐ, TB&XH, ngày 02/01/2019, đã ban hành Thông tư số 01/2019/TT-LĐTBXH quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. Điểm mới của Thông này là đã công nhận Rối loạn phổ tự kỷ là một dạng khuyết tật. Tuy nhiên, khó khăn về học vẫn chưa được đề cập đến trong các dạng khuyết tật được công nhận.

Bộ GD&ĐT có chức năng và nhiệm vụ chủ trì lĩnh vực giáo dục người khuyết tật đã có những Thông tư, Quyết định quy định về tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về giáo dục cho đối tượng người học này. Các văn bản chính gồm:

- 1) Quyết định số 338/QĐ-BGDĐT ngày 30/01/2018 của Bộ GD&ĐT về “Ban hành kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 của Ngành Giáo dục” với mục tiêu chung đến 2020 là “Tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng GD người khuyết tật, đảm bảo NKT được tiếp cận giáo dục chất lượng, bình đẳng và thân thiện”.

- 2) Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29/01/2018 quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Trong đó có Điều 10 quy định sự

bảo đảm về “Cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học, đồ chơi của cơ sở giáo dục để thực hiện giáo dục hòa nhập” và Điều 15 quy định về các quyền của người khuyết tật như “được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với độ tuổi nhập học theo quy định; được học tập trong các cơ sở giáo dục phù hợp với trình độ, năng lực; được quan tâm, tôn trọng và bảo vệ, đối xử bình đẳng trong học tập, trong các hoạt động giáo dục để phát triển khả năng cá nhân; được cung cấp thông tin, cấp sách giáo khoa, học phẩm, học bổng theo quy định; được học tập, rèn luyện và hỗ trợ trong các giờ học cá nhân về kiến thức, kỹ năng đặc thù để học hòa nhập có hiệu quả; ...được hưởng chính sách, chế độ về giáo dục đối với người khuyết tật”.

3) Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2019 quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật.

4) Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non. Ba thông tư này được ban hành ngày 22/8/2018 đưa ra các quy định về điều kiện CSVC, phương tiện giáo dục, dạy học bảo đảm cho học sinh khuyết tật có thể học hòa nhập và đưa ra các chỉ tiêu về số lượng trẻ khuyết tật ở địa phương cụ thể đến trường đối với trường chuẩn quốc gia các mức độ 1 đến mức độ 4. Ví dụ: Với cấp tiểu học, Trường đạt chuẩn mức độ 1 cần đáp ứng các tiêu chí như Tiêu chí 2.4 về học sinh thì cần “Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định; ...Được đảm bảo các quyền theo quy định hoặc Tiêu chí 3.2 về Phòng học thì cần “...Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có) hay Tiêu chí 3.4 về Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước thì cần có “Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập”... Tiêu chí đối với Mức độ 2 cần bổ sung thêm về “... các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học”; Mức độ 3 thì “... có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có)” và Mức độ 4 thì “Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn,

học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan”.

5) Quyết định 2161/QĐ-BGDĐT, ngày 26/6/2017 và Quyết định 2257/QĐ-BGDĐT, ngày 8/8 /2019 về việc sửa đổi, bổ sung “Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030” đã đưa ra các chỉ tiêu về số lượng trẻ khuyết tật được đi học. Các mục tiêu chính liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật trong tỉ lệ chung là đến 2030 có 99,9% trẻ 5 tuổi được đi học; 100% trẻ độ tuổi TH và THCS đi học, trong đó 99,8% học sinh TH và 99,5% học sinh THCS đi học đúng độ tuổi và 99,9% học sinh TH và 94,8% học sinh THCS được công nhận hoàn thành chương trình GD; 60% cơ sở giáo dục đảm bảo về CSVC, phương tiện, tài liệu học tập cho học sinh khuyết tật.

Cùng với các Thông tư, Quyết định, hàng năm trong hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, Bộ GD&ĐT đều đưa ra các chỉ tiêu về bảo đảm số lượng và chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật.

Một số nhận xét về các văn bản pháp luật liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật:

Việt Nam hiện nay đã có một hệ thống các văn bản liên quan đến đảm bảo quyền đi học của trẻ em khuyết tật. Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực này cho thấy những điểm mạnh và một số tồn tại cần có giải pháp chính sách để khắc phục. Cụ thể:

Điểm mạnh thể hiện ở chỗ những văn bản đã:

- có tính xuyên suốt, nhất quán từ chủ trương trong đường lối đến luật hóa và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện thống nhất trong toàn quốc;
- tiệm cận với xu hướng chung của quốc tế trong lĩnh vực giáo dục trẻ khuyết tật;
- được xây dựng trong tổng thể của chiến lược phát triển giáo dục quốc gia;
- xem xét đến vấn đề phân cấp và quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, các liên đới;
- chú trọng đến huy động các nguồn lực và xã hội hóa giáo dục;
- có các quy định cụ thể về các mục tiêu cần đạt (cả định lượng và định tính) trong kế hoạch tổng thể với các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

Một số tồn tại của các văn bản này được thể hiện qua:

- chưa có tính khẳng định việc “Đảm bảo” mà mới dừng lại chủ yếu ở “Tạo điều kiện” từ phía Nhà nước, gia đình, xã hội trong những nội dung cơ bản về Quyền tham gia giáo dục hòa nhập, công bằng, có chất lượng và học tập suốt đời của Trẻ khuyết tật;

- trách nhiệm của Nhà nước và đặc biệt các liên đới trong giáo dục Trẻ khuyết tật đã có trong các quy định nhưng chưa có chế tài để xử lí nếu như không thực hiện;

- một số quy định, mục tiêu trong các văn bản vẫn còn mâu thuẫn với nhau và chưa đảm bảo để có thể hiện thực hóa;

3. Thực trạng Trẻ khuyết tật tham gia giáo dục và giải pháp chính sách

3.1. Về số lượng trẻ khuyết tật tham gia giáo dục

Hiện nay, các số liệu thống kê về trẻ khuyết tật ở Việt Nam chưa có sự thống nhất. Theo tổng điều tra dân số năm 2009 thì Việt Nam có khoảng 1,329 triệu trẻ em khuyết tật. Công tác chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật đã được Đảng, Nhà nước xã hội ngày càng quan tâm hơn. Thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, đến nay, số lượng trẻ khuyết tật được đi học đã tăng lên rất nhanh. Theo số liệu từ “Điều tra Quốc gia về Người Khuyết tật” do Tổng Cục Thống kê thực hiện thành công năm 2016-2017 với sự hỗ trợ kỹ thuật của UNICEF⁵ khi sử dụng Bộ câu hỏi về chức năng của trẻ em để nhận dạng trẻ khuyết tật do Nhóm kỹ thuật Washington và UNICEF xây dựng năm 2016 cho thấy:

- Có 2,79% trẻ em Việt Nam độ tuổi 2-17 có khuyết tật, trong đó có 2,74% trong độ tuổi 2-4 và 2,81% trẻ em trong độ tuổi 5-17. Khoảng 2,94% trẻ em ở nông thôn và 2,42% trẻ em ở thành thị, 2,62% trẻ em dân tộc kinh và 3,48% trẻ em các dân tộc khác có khuyết tật. Về giới tính thì khoảng 3,0% trẻ em nam và 2,57% trẻ em nữ có khuyết tật.

- Khoảng 0,5% người khuyết tật học trong lớp chuyên biệt cho người khuyết tật trong trường phổ thông; gần 1% người khuyết tật học ở trường chuyên biệt cho người khuyết tật;

- Khoảng 55,5% người khuyết tật từ 5-24 tuổi đang đi học được miễn giảm học phí; cơ hội đi học ở trẻ khuyết tật từ 5-14 tuổi sống trong hộ nghèo đa chiều thấp hơn khoảng 21% so với trẻ không khuyết tật.

- Tỷ lệ đi học của trẻ có khuyết tật cấp THCS là 74,7% và trẻ không có khuyết tật là 94,3%.

⁵ UNICEF (2018), Trẻ em khuyết tật ở Việt Nam - Kết quả điều tra quốc gia về người khuyết tật Việt Nam 2016-2017

Nếu nhìn vào số lượng của khảo sát này thì mục tiêu về số lượng trẻ khuyết tật được tham gia giáo dục bắt buộc mà Việt Nam đặt ra cho 2020 là 70% thì đã vượt rồi vì tỉ lệ trẻ khuyết tật học cấp TH sẽ còn cao hơn. Tuy nhiên, những dữ liệu về trẻ khuyết tật ở các vùng có điều kiện phát triển kinh tế khác nhau và trẻ có các dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật nặng chưa được thể hiện rõ nên rất khó đưa ra nhận xét. Thực chất nếu dựa vào tiêu chí này để thống kê thì đa số trẻ khuyết tật chưa cần có hỗ trợ cũng đã đi học và các mục tiêu về huy động trẻ khuyết tật đi học của Việt Nam chắc chắn sẽ được đưa ra cao hơn nhiều.

3.2. Về chương trình, phương tiện, học liệu giáo dục trẻ khuyết tật

Chương trình giáo dục phổ thông mới đã được triển khai. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa bắt đầu thực hiện phát triển chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và chương trình giáo dục hỗ trợ dành cho trẻ khuyết tật học hòa nhập dựa trên chương trình mới này. Sách giáo khoa và tài liệu giáo dục, dạy học dành cho trẻ khuyết tật chưa được chuẩn bị đồng thời với sách giáo khoa và tài liệu giáo dục phổ thông mới. Như vậy, trẻ khuyết tật sẽ gặp nhiều khó khăn khi học theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Bên cạnh đó, cho đến nay, quy định về việc cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho học sinh khuyết tật vẫn chưa đ

3.3. Về mạng lưới cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật

Trẻ khuyết tật đang đi học tại các trường hòa nhập và các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

Việt Nam có khoảng hơn 100 cơ sở chuyên biệt giáo dục trẻ khuyết tật (trường/trung tâm) thuộc sự quản lý của các Bộ, Ngành, tổ chức khác nhau và rất nhiều cơ sở tư nhân thực hiện can thiệp, giáo dục trẻ khuyết tật. Các cơ sở chuyên biệt cũng như các cơ sở tư nhân thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật, hầu như chỉ tập trung ở các thành phố lớn hoặc các thành thị. Với mạng lưới như vậy, trẻ khuyết tật ở vùng nông thôn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa khó có cơ hội tham gia giáo dục được. Quản lý hoạt động của các cơ sở tư nhân có thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật đang là vấn đề cần được quan tâm khi một số hiện tượng phi giáo dục được phát hiện gần đây.

Giáo dục hòa nhập là định hướng chính của giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam. Tuy nhiên, theo UNICEF (2018) thì tỷ lệ các trường có học sinh khuyết tật chỉ là 71,40%. Trong đó về CSVC cho thấy:

- 2,9% trường có thiết kế phù hợp với trẻ khuyết tật và 9,9% trường có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp với người khuyết tật;

- Tỷ lệ trường có thiết kế phù hợp với người khuyết tật là 2,90%. Tỷ lệ trường có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp cho người khuyết tật là 9,90%.

Những dữ liệu này cho thấy lý điều kiện CSVN là một trong số nguyên do đến nay còn tới 28,6% số trường học chưa có học sinh khuyết tật dù chắc chắn ở bất cứ địa phương nào cũng đều có học sinh khuyết tật.

3.4. Về nguồn nhân lực giáo dục trẻ khuyết tật

Nguồn nhân lực có trình độ cao, chuyên gia về giáo dục trẻ khuyết tật đang tăng đáng kể nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu. Cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về phương tiện, đồ dùng giáo dục trẻ khuyết tật hầu như chưa có.

Về cơ bản, cán bộ, giáo viên đang thực hiện giáo dục tại các trường/trung tâm giáo dục chuyên biệt đều đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng về chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật.

Nhiều giáo viên giáo dục hòa nhập đã được tập huấn bồi dưỡng về giáo dục trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, theo nhận xét chủ quan của chúng tôi (chưa có đánh giá quy mô, chuyên sâu) sau những khóa tập huấn quá ngắn với nội dung đưa ra thì giáo viên chưa thể tổ chức giáo dục hòa nhập có chất lượng và hiệu quả được. Mặt khác, giáo dục hòa nhập cần có sự tham gia của gia đình và cộng đồng xã hội nhưng các hoạt động cung cấp thông tin, nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật cho các đối tượng này cũng chưa được quan tâm đúng mức. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của UNICEF (2018) cho thấy: Tỷ lệ người trả lời đồng ý với quan điểm rằng trẻ em khuyết tật nên học tại trường chuyên biệt là 24,0% trong khi đó tỷ lệ người trả lời đồng ý với quan điểm rằng trẻ em khuyết tật nên được đến trường cùng với các trẻ em khác 42,70%.

Cán bộ, nhân viên đang thực hiện can thiệp, chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ở các cơ sở tư nhân chưa có quy định cụ thể về trình độ, kinh nghiệm nên chưa thể quản lý, theo dõi, đánh giá.

Đề xuất giải pháp

Giải pháp 1: Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật nhằm khắc phục những hạn chế trong các văn bản hiện hành và tạo cơ chế, chính sách mở cho giáo dục trẻ khuyết tật.

Giải pháp 2: Xây dựng văn bản hướng dẫn hoạt động và quản lí các trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật và các cơ sở tư nhân thực hiện can thiệp sớm và chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật.

Giải pháp 3: Xây dựng hệ thống văn bản khuyến khích sự tham gia vào giáo dục trẻ khuyết tật của các cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế.

Giải pháp 4: Thực hiện tuyên truyền rộng rãi về các quy định của luật và chính sách giáo dục trẻ khuyết tật.

Kết luận: Việt Nam đã có hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục trẻ khuyết tật. Dựa vào các quy định trong các văn bản này, giáo dục trẻ khuyết tật đã phát triển nhanh chóng trong các năm gần đây. Số lượng trẻ khuyết tật đi học ngày càng tăng và với chất lượng ngày càng cao hơn. Tuy nhiên, hiện nay, theo mục tiêu đặt ra thì giáo dục trẻ khuyết tật chưa đạt được kể cả về số lượng và chất lượng. Đánh giá một số văn bản pháp luật cơ bản có liên quan cho thấy vẫn còn những bất cập trong các quy định của văn bản hiện hành và vẫn còn thiếu một số cơ sở pháp lí cho việc phát triển giáo dục trẻ khuyết tật. Để trẻ khuyết tật có thể tham gia giáo dục hòa nhập, có chất lượng, công bằng và cơ hội học tập suốt đời, cần thực hiện tổng thể một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản luật, hướng tới huy động được các nguồn lực Nhà nước và xã hội cho giáo dục trẻ khuyết tật.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD&ĐT (2018). Quyết định 2257/QĐ-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung “Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”
2. Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật.
3. Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII “Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”
4. Quốc hội, Luật số 43/2019/QH14 – Luật Giáo dục
5. Quốc hội, Luật số 51/2010/QH12 - Luật Người Khuyết tật
6. UNESCO (2017), Education for Sustainable Development Goals – Learning Objective.

